

XÂY DỰNG XÃ HỘI LÀNH MẠNH XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TÔ DUY HỢP - NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Lời Tòa soạn: Trước yêu cầu thực tiễn hiện nay của công cuộc Đổi Mới, việc nghiên cứu nhằm xây dựng một mô hình Xã hội lành mạnh xã hội chủ nghĩa đang thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách. Tạp chí Xã hội học xin trân trọng giới thiệu để bạn đọc tham khảo nghiên cứu của GS.TS. Tô Duy Hợp và ThS. Nguyễn Thị Minh Phương. Cũng xin lưu ý là các quan điểm nêu trong bài viết này chỉ là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm chính thức của Tạp chí Xã hội học.

1. Khái niệm “Xã hội lành mạnh” - Một tổng/tích hợp hạt nhân hợp lý của các định nghĩa

“Lành mạnh” là một cụm từ được sử dụng rất rộng rãi trong các văn kiện, tài liệu truyền thông, tạp chí và trong giao tiếp thường nhật. Tuy vậy, cụm từ “Xã hội lành mạnh” lại chưa được sử dụng rộng rãi. Các bài viết chuyên khảo, các báo cáo chuyên luận trong nước về Xã hội lành mạnh và hệ thống giải pháp lành mạnh hoá xã hội cũng chưa thấy có.

Một vài tác giả nước ngoài gần đây cũng đã bàn luận về việc xây dựng một Xã hội lành mạnh qua các công trình nghiên cứu trực tiếp về chủ đề này. Thuật ngữ “Xã hội lành mạnh” được sử dụng trong tiếng Anh với nhiều từ khác nhau như “*Healthy Society*”, “*Sane Society*”, hay “*Good Society*”. Trong tiếng Nga, thuật ngữ này được sử dụng là “Хорошее общество”, được dịch sang tiếng Anh có nghĩa là “*Good Society*”.

Xã hội lành mạnh được xem xét ở nhiều chiều cạnh khác nhau. Dan Parrott (2000) nhấn mạnh đến sự phát triển bền vững, và cho rằng đó là biểu hiện của Xã hội lành mạnh (*Healthy Society*). Enrich Fromm (1955) tập trung vào việc xem xét cặp đối lập lành mạnh - không lành mạnh (*Sane - Insane*). Cặp này được thao tác theo 5 tuyến nghĩa: hạnh phúc/bất hạnh (*Happy/Unhappy*), sáng tạo/phá hoại (*Creation/Destruction*), hợp lý/phi lý (*Rational/Irrational*), nhân văn hóa/phi nhân văn hóa (*Humannization/ Dehumannization*), và không bị tha hoá/ bị tha hoá (*Unalienation/Alienation*). Enrich Fromm chủ trương lành mạnh hoá Xã hội tư bản chủ nghĩa bằng cách thay thế Chủ nghĩa tư bản thiếu hoặc không lành mạnh bằng Chủ nghĩa xã hội lành mạnh hơn, và lành mạnh hơn cả là Chủ nghĩa xã hội cộng đồng (*Communitarian Socialism*).

J.K.Galbraith (1996) quan niệm về một Xã hội tốt lành (*Good Society*) là Xã hội không dung nạp những mô hình xã hội không tương kiểu như Chủ nghĩa xã hội toàn diện (*Comprehensive Socialism*) hoặc như tư nhân hoá phổ biến (*Generalized Privatization*). Xã hội tốt lành (tốt đẹp, ôn hoà) là Xã hội tồn tại ở đâu đó giữa hai thái

cực không tương nêu trên. Ông đã phê phán các khuynh hướng cực đoan ở Mỹ, hoặc là quá đề cao Nhà nước phúc lợi (Welfare State) hoặc là quá tôn sùng chính sách để mặc tư nhân tự do kinh doanh (Laissez - faire); và chủ trương một Xã hội tốt đẹp phải là một Xã hội cân đối, hài hoà giữa “bàn tay vô hình” của Thị trường và “bàn tay pháp lý” của Nhà nước.

Các nhà nghiên cứu về chính sách xã hội, Brian I. Cook và Noad M.J.Pickus (2002), cho rằng một Xã hội tốt đẹp (Good Society) mà các nhà làm chính sách mong muốn hướng tới là *Xã hội có nền dân chủ giản dị mà sâu sắc*. Ở đó, nó khuyến khích sự tham gia đông đảo và sâu rộng của dân chúng vào các hoạt động công cộng, vào sự điều hành của hệ thống chính quyền. Đó là một nền dân chủ gắn liền với sự tham gia từ dưới lên (bottom - up), một hệ thống kinh tế - xã hội quản lý dựa trên cộng đồng, hơn là sự quản lý xã hội dựa trên một hệ thống tư bản chủ nghĩa tự do, quan liêu và tập trung như được biết đến ở các quốc gia công nghiệp phát triển ngày nay.

V.G. Phedotova (2005) đưa ra cách tiếp cận 3 mặt bao gồm kinh nghiệm, chuẩn mực và lý thuyết để định nghĩa khái niệm “Xã hội tốt đẹp” (Хорошее общество). *Về mặt kinh nghiệm*, Xã hội tốt đẹp được ghi nhận bởi các đặc trưng như, đó là: 1/ Tự do và quyền con người; 2/ Phúc lợi vật chất và tinh thần tối thiểu; 3/ Chăm sóc sức khoẻ; 4/ Trật tự xã hội; 5/ Công bằng xã hội; 6/ Dân chủ; 7/ Mức sống khá giả. Theo nhận định của V.G. Phedotova, Xã hội Nga hiện thời chưa thể gọi là một Xã hội tốt đẹp theo đúng nghĩa của từ này, bởi vì hầu hết các chỉ báo kinh nghiệm đều chưa đáp ứng yêu cầu. Xã hội Nga hiện thời được V.G. Phedotova nhìn nhận là thiếu an ninh, mức sống chưa khá giả, tuổi thọ bình quân chưa được nâng cao, chất lượng giáo dục và y tế còn thấp kém, nhu cầu nhà ở chưa được đáp ứng đầy đủ về số lượng cũng như về chất lượng, ... (tr. 458 - 460). *Về mặt chuẩn mực*, V.G. Phedotova nhấn mạnh các yêu cầu đạo đức, đạo lý đối với các thành viên và các nhóm xã hội hợp thành. Cái tốt (cái thiện) là chuẩn mực đạo đức đối lập với cái xấu (cái ác), cái phi đạo đức. Do đó, phải làm việc tốt, phải hướng thiện, đồng thời phải phê phán cái xấu, chống cái ác thì như thế Xã hội mới đạt chuẩn mực lành mạnh. *Về mặt lý thuyết*, Xã hội tốt đẹp được bàn luận theo hướng thấu hiểu và hoá giải các song đề lý thuyết về Xã hội tốt đẹp, trong đó đặc biệt chú trọng 2 song đề: một là, tương quan và tương phản giữa *Thuyết phổ biến (Universalism)* và *Thuyết bối cảnh (Contextualism)* và hai là, tương quan giữa *Chủ nghĩa tự do (Liberalism)* và *Chủ nghĩa phúc lợi (Welfarism)*.

Thực chất của sự đối lập giữa Thuyết phổ biến và Thuyết bối cảnh là ở chỗ *Chủ nghĩa hiện đại (Modernism)* chủ trương Xã hội tốt đẹp phải dựa trên khế ước xã hội (Social Contract). Khế ước xã hội dựa trên những nguyên tắc phổ biến, lợi ích và giá trị cá nhân, sự tự do lựa chọn hợp lý của cá nhân. Điều này khác với *Chủ nghĩa hậu hiện đại (Post-modernism)* chủ trương ngược lại là Xã hội tốt đẹp phải dựa trên những nguyên tắc đặc thù, tùy thuộc lợi ích và giá trị của các nhóm xã hội và các cộng đồng xã hội. Quyền và phúc lợi cộng đồng là nhân tố quyết định đối với quyền và lợi ích cá nhân, chứ không phải ngược lại.

Trong các cách nhìn nhận nêu trên về Xã hội tốt đẹp, tức là về Xã hội lành mạnh, ta thấy rõ rằng đó không phải là một mô hình xã hội không tưởng, một kiểu loại xã hội toàn diện, toàn mỹ, không khiếm khuyết, và càng không phải là thiên đường. Điểm chung của trong các quan niệm của họ về Xã hội tốt đẹp là ở chỗ họ đều coi Nó nằm ở đâu đó giữa hai cực đoan tức là, giữa tình trạng hoàn toàn lành mạnh và tình trạng hoàn toàn không lành mạnh - những kiểu xã hội được cho là không tưởng. Xã hội lành mạnh có lẽ là Xã hội có nhiều ưu việt, có nhiều cái tốt hơn là những cái xấu, những cái yếu kém. Tức là, nó không phải là một Xã hội hoàn toàn hoàn hảo theo nghĩa tuyệt đối.

Cả Enrich Fromm, J.K.Galbraith và V.G. Phedotova đều đã thảo luận tiếp tục về kiểu loại Xã hội được xem là lành mạnh và con đường lành mạnh hóa xã hội. V.G. Phedotova đã gọi ra một tình trạng lưỡng nan trong lựa chọn lý thuyết về Xã hội tốt đẹp cũng như lựa chọn hành động thế nào được coi là đạo đức, và thế nào sẽ bị coi là phi đạo đức. Ở đây đặt ra 2 tình trạng lưỡng nan. Lưỡng nan trong việc lựa chọn hành động, đề cao lợi ích tập thể hay đề cao lợi ích cá nhân, và đâu sẽ được coi là đạo đức và đâu là phi đạo đức. Lưỡng nan trong lựa chọn lý thuyết, kiểu Xã hội nào là tốt đẹp, theo Chủ nghĩa tự do hay theo Chủ nghĩa phúc lợi,...

Trong các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam, ta có thể thấy cụm từ “*lành mạnh*”, “*không lành mạnh*” và “*lành mạnh hoá*” đã được sử dụng khá nhiều lần. Có thể thấy trong các Văn kiện này đã bộc lộ *hiển ngôn và cả hàm ý* về Xã hội lành mạnh và các giải pháp xây dựng một Xã hội ngày càng lành mạnh hơn. Mặc dù, trong các Văn kiện này đã có các cụm từ như “*cạnh tranh lành mạnh*”, “*lối sống lành mạnh*”, “*môi trường lành mạnh*”, “*lành mạnh hoá xã hội*”, “*lành mạnh hoá tài chính*” v.v..., nhưng cụm từ “*Xã hội lành mạnh*” thì chưa thấy được sử dụng.

Bên cạnh đó, có nhiều cách diễn đạt tuy không dùng từ “lành mạnh” hoặc “không lành mạnh” nhưng *thực chất là nói về lành mạnh hoặc không lành mạnh*. Chẳng hạn trong Văn kiện nêu rằng phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, làm cho tổ chức này thực sự trong sạch, vững mạnh; mở rộng và phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ; biểu dương và nhân rộng những tấm gương cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư (ĐCSVN, 2006: 274-294). Ta thấy một loạt các cụm từ biểu đạt sắc thái của sự lành mạnh như: cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư đều là những đặc trưng lành mạnh của nhân cách đạo đức hay như: dân chủ, công khai, minh bạch đều biểu đạt một thể chế chính trị - xã hội lành mạnh.

Nhận định về thực trạng đội ngũ cán bộ và đảng viên, các Văn kiện của Đảng đã chỉ ra sự suy thoái nghiêm trọng về tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Bên cạnh đó là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chạy chức, chạy quyền, chạy tội và chạy bằng cấp (ĐCSVN, 2006: 263 - 274). Như vậy, hàm nghĩa của sự suy thoái đạo đức, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, các kiểu “chạy” đều là biểu hiện của tình trạng *không lành mạnh* trong đời sống xã hội. Điều này kéo theo *tình trạng không lành mạnh trong các quan hệ và hoạt động xã hội*

như tham nhũng, cửa quyền và mất dân chủ.

Vậy thế nào là Xã hội lành mạnh? Bằng phương thức tổng - tích hợp hạt nhân hợp lý của các định nghĩa khác nhau về khái niệm "Xã hội lành mạnh" ta có thể đưa ra một định nghĩa như sau: *"Xã hội lành mạnh là Xã hội thấm nhuần các giá trị và chuẩn mực chân (cái đúng), thiện (cái tốt), mỹ (cái đẹp), lợi (lợi ích, phúc lợi) đủ sức mạnh phòng, chống các lệch lạc văn hoá để đảm bảo sinh kế an toàn và định hướng phát triển bền vững"*. Từ đó ta có thể quan niệm về lành mạnh hóa xã hội để khắc phục những biểu hiện không lành mạnh như những nhận thức hoặc/và hành động không đúng, không tốt, không đẹp, làm tổn hại lợi ích của Xã hội. Theo đó thì *"Lành mạnh hoá xã hội là sự hoá giải các vấn đề xã hội nảy sinh, bức xúc cũng như phòng ngừa các lệch lạc văn hoá để làm cho Xã hội thấm nhuần các giá trị và chuẩn mực chân (cái đúng), thiện (cái tốt), mỹ (cái đẹp), lợi (lợi ích, phúc lợi) đảm bảo sinh kế an toàn và định hướng phát triển bền vững"*.

2. Quan điểm xây dựng Xã hội lành mạnh xã hội chủ nghĩa

2.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới

Trong báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua 20 năm đổi mới, Ban chỉ đạo tổng kết lý luận (ĐCSVN, 2005) đã đưa ra hệ thống quan điểm về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rằng Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng đang lãnh đạo toàn dân hướng tới xây dựng là *một Xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh*. Đó là Xã hội do nhân dân làm chủ, có nền kinh tế phát triển cao, bền vững với một hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp. Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh được khẳng định là nền tảng tư tưởng của Đảng và làm kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng. Đảng cho rằng vấn đề trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*. Pháp quyền dưới Chủ nghĩa xã hội là công cụ thể hiện và thực hiện quyền dân chủ của nhân dân. Đảng Cộng Sản Việt Nam khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, đó được xem là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Đảng xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt trong quá trình đổi mới (ĐCSVN, 2005: 143-145). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thừa nhận rằng nhận thức về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn. Để đi lên Chủ nghĩa xã hội cần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của Xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế" (ĐCSVN, 2006:16 - 18).

Đường lối xây dựng Chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước Việt Nam có tính hai

mặt rất rõ ràng. Một mặt, đó là chủ trương “*kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội trên nền tảng Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh*” (ĐCSVN, 2006:19); song mặt khác, *đã có sự thay đổi rõ nét nội hàm của khái niệm “Xã hội xã hội chủ nghĩa” và “Con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội” với tầm nhìn chiến lược 2020 và xa hơn nữa.*

Sự *kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa* thể hiện rõ nét ở quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục nắm quyền lãnh đạo công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội và ở các đặc trưng xã hội chủ nghĩa như Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong chế độ kinh tế đa thành phần, hệ thống chính trị đa tổ chức, cơ cấu xã hội đa giai tầng, hệ thống văn hoá đa dạng hình thức biểu hiện. Sự thay đổi đáng kể trong quan niệm về Xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội thời kỳ Đổi mới, đó là chấp nhận *tính tương đối* của giá trị và chuẩn mực lãnh mạnh và bổ sung nhiều giá trị và chuẩn mực mới; trong đó có cả những giá trị và chuẩn mực trước đây bị xếp vào loại phi xã hội chủ nghĩa, chẳng hạn như giá trị và chuẩn mực thị trường tự do, giá trị và chuẩn mực văn hoá truyền thống phương Đông, v.v...

2.2. Sự đồng nhất và khác biệt giữa các quan điểm trong xây dựng Xã hội lành mạnh xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và ở Trung Quốc

Việt Nam và Trung Quốc giống nhau ở quá trình *chuyển đổi kép*: vừa chuyển đổi từ mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ sang mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu mới vừa đồng thời chuyển đổi từ hình thái xã hội nông nghiệp – nông thôn sang hình thái xã hội công nghiệp - đô thị theo xu hướng chung của toàn thế giới, thông qua các quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa. (Ngân hàng Thế giới, 2001).

Cho đến nay, Việt Nam đã trải qua hơn 20 năm đổi mới, còn Trung Quốc bước vào tổng kết 30 năm cải cách, mở cửa. *Hệ quan điểm xây dựng Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc* của ĐCSTQ và *hệ quan điểm xây dựng Chủ nghĩa xã hội đặc thù Việt Nam* của ĐCSVN giống nhau ở nhiều luận điểm cơ bản, mặc dù trong quan niệm và cả trong cách diễn đạt có nhiều chỗ khác nhau. Đó là:

Trước hết, *kiên trì quan điểm Đảng Cộng sản là Đảng cầm quyền*. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản là Đảng duy nhất cầm quyền, không có chế độ đa đảng; Đảng Cộng sản chủ trương đổi mới chính đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng (ĐCSVN, 2006). Ở Trung Quốc, người ta thực hiện chế độ hiệp thương chính trị hợp tác đa Đảng do Đảng Cộng Sản lãnh đạo. Theo thuyết Ba đại biểu: 1/ ĐCSTQ cần luôn đại biểu cho nhu cầu phát triển sức sản xuất của Trung Quốc, 2/ ĐCSTQ phải luôn đại biểu cho phương hướng tiến lên của nền văn hoá tiên tiến Trung Quốc, 3/ ĐCSTQ phải luôn đại biểu cho lợi ích căn bản của đông đảo nhất nhân dân Trung Quốc (ĐCSTQ, 2002).

Thứ hai, *kiên trì quan điểm lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng* của Đảng cầm quyền, của Nhà nước XHCN do Đảng Cộng sản lãnh đạo và của toàn thể Xã hội xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, nền tảng tư tưởng được Đảng cầm quyền xác định là Chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (ĐCSVN, 2006). ở Trung Quốc,

nền tảng tư tưởng được Đảng lãnh đạo xác định là Chủ nghĩa Mác và Tư tưởng Mao Trạch Đông (ĐCSTQ, 2002). Ở cả hai nước, Đảng cầm quyền đều chủ trương chống chủ nghĩa Mác giáo điều, chống xét lại chủ nghĩa Mác đồng thời khuyến khích đổi mới và phát triển tiếp tục chủ nghĩa Mác. Cách diễn đạt của ĐCSTQ (2006) là: Quan điểm Phát triển khoa học, Thuyết xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa (Hồ Cẩm Đào) với Thuyết Ba đại biểu (Giang Trạch Dân), Lý luận Đặng Tiểu Bình, Tư tưởng Mao Trạch Đông, Chủ nghĩa Mác là cùng một hệ thống lý luận khoa học nối liền mạch.

Thứ ba, *kiên trì quan điểm xây dựng hệ thống chính trị dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo*. Ở Việt Nam, đó là chủ trương hoàn thiện hệ thống chính trị 3 khối (Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị – xã hội) và 4 cấp (Trung ương, tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường và thị trấn). Xây dựng Nhà nước pháp quyền dân chủ xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; tăng cường sự tham gia tích cực của công dân thông qua các đoàn thể chính trị – xã hội vào các hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp của các cơ quan hữu quan. Kiên trì phương châm: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ (ĐCSVN, 2006). Ở Trung Quốc, trong hệ thống chính trị có sự hiệp thương chính trị do Đảng Cộng sản lãnh đạo; xây dựng Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nâng cao năng lực đồng bộ lập pháp, hành pháp, tư pháp của Nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa. Kiên trì phương châm: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ và trị quốc theo pháp luật (ĐCSTQ, 2002).

Thứ tư, *kiên trì quan điểm xây dựng hệ thống kinh tế hỗn hợp do Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý*. Ở Việt Nam, Đảng cầm quyền chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, quốc tế hóa gắn với việc từng bước xây dựng nền kinh tế tri thức. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo (ĐCSVN, 2006). Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản đẩy mạnh công cuộc phát triển thể chế thị trường xã hội chủ nghĩa gắn liền với chế độ cơ bản của chủ nghĩa xã hội; kiên trì phương châm lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển,... xây dựng hệ thống thị trường phát triển thống nhất trong toàn quốc, thực hiện kết hợp chặt chẽ thị trường thành thị và nông thôn, gắn kết lẫn nhau giữa thị trường nội địa với thị trường quốc tế, thúc đẩy bố trí tối ưu các nguồn lực; chuyên đổi chức năng quản lý kinh tế của chính phủ, xây dựng hệ thống điều tiết vĩ mô hoàn thiện lấy biện pháp gián tiếp làm chính, bảo đảm sự vận hành lành mạnh của nền kinh tế quốc dân; xây dựng chế độ phân phối thu nhập coi phân phối theo lao động là chính, kết hợp hiệu quả và công bằng, khuyến khích một số người, một số khu vực giàu có trước và đi con đường cùng giàu có; xây dựng chế độ bảo hiểm xã hội nhiều tầng nấc, cung cấp bảo hiểm xã hội cho cư dân thành thị và nông thôn phù hợp với tình hình Trung Quốc, thúc đẩy kinh tế phát triển, xã hội ổn định (ĐCSTQ, 2002).

Thứ năm, *kiên trì quan điểm xây dựng nền văn hoá tiên tiến dưới sự lãnh đạo của*

Đảng và do Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản chủ trương xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của Xã hội (ĐCSVN, 2006). Ở Trung Quốc, Đảng cầm quyền chủ trương xây dựng nền văn hoá tiên tiến xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ văn hoá lãnh đạo, quản lý, kinh doanh, dân chủ, đạo đức, thẩm mỹ và cả văn hoá môi trường phù hợp quan điểm phát triển bền vững (ĐCSTQ, 2002).

Thứ sáu, *kiên trì các mục tiêu tổng quát của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, đó là: giàu mạnh, dân chủ, văn minh, tăng trưởng ổn định và phát triển bền vững.* Ở Việt Nam, mục tiêu tổng quát của công cuộc đổi mới là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Ra sức quán triệt quan điểm “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường” (ĐCSVN, 2006). Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản cũng đặt mục tiêu tổng quát của công cuộc cải cách, mở cửa là xây dựng toàn diện xã hội tiêu kang (= khá giả), dân chủ pháp trị, văn minh (ba văn minh = văn minh vật chất, văn minh tinh thần và văn minh chính trị). Ra sức quán triệt *quan điểm phát triển khoa học* (= phát triển quan khoa học) với 4 nội dung cơ bản: 1/ *Phát triển phải toàn diện* kinh tế – xã hội, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm; 2/ *Phát triển phải hài hoà*, nghĩa là phải tính toán toàn diện (thành thị – nông thôn, miền Đông – miền Trung – miền Tây, tăng trưởng kinh tế – tiến bộ xã hội, con người – tự nhiên, phát triển trong nước và mở cửa hội nhập quốc tế); 3/ *Phát triển phải bền vững*, nghĩa là phải bảo đảm hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường; 4/ *Phát triển phải kiên trì quan điểm lấy con người làm gốc* (Nhân vi bản, Dân vi bản) (ĐCSTQ, 2002). Quan điểm mới nhất của Tổng bí thư Đảng kiêm Chủ tịch nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa Hồ Cẩm Đào là “*xây dựng Xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa... là một Xã hội dân chủ, pháp trị, công bằng, chính nghĩa, thành thực, thương yêu, tràn đầy sức sống, yên bình, có trật tự, và con người chung sống hài hoà với thiên nhiên*” (Hồ Cẩm Đào, 2005: 4-5).

Thứ bảy, *tiến hành đồng bộ các giải pháp lãnh mạnh hoá xã hội.* Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước huy động toàn Đảng, toàn Quân, toàn Dân phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; ra sức giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh, bức xúc; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, suy đồi đạo đức. Tích cực xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh làm gương cho toàn bộ Xã hội. Từ năm 2007, Đảng chủ trương học tập, làm theo gương đạo đức Hồ Chí Minh. Ở Trung Quốc, việc giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh, bức xúc được coi là yêu cầu số một hiện nay, là do việc giải quyết chậm trễ hoặc không triệt để các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là các vấn đề như sự gia tăng khoảng cách giàu – nghèo giữa các giai tầng xã hội, giữa đô thị và nông thôn, giữa miền Đông và miền Tây, sự gia tăng tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ tham nhũng, suy đồi đạo đức trong một bộ phận cán bộ, đảng viên Đảng Cộng sản đã ảnh hưởng rất tiêu cực tới công cuộc xây dựng Xã hội lãnh mạnh xã hội chủ nghĩa. Các thể hệ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã rất quan tâm tới việc giáo dục cán bộ, đảng viên làm gương mẫu cần kiệm liêm chính, chí công vô tư cho toàn dân.

Tuy nhiên, giữa 2 hệ quan điểm: xây dựng Xã hội lành mạnh xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc và xây dựng Xã hội lành mạnh xã hội chủ nghĩa đặc thù Việt Nam cho đến nay có một số khác biệt đáng kể, đó là:

Một là, ở Việt Nam, Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền, không có chế độ đa đảng. Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc cầm quyền trong chế độ hiệp thương chính trị hợp tác, không có đối lập giữa đảng cầm quyền và các đảng không cầm quyền.

Hai là, ở Việt Nam, Tổng bí thư BCHTW Đảng không kiêm nhiệm Chủ tịch nước. ở Trung Quốc, một người giữ 2 chức vụ tối cao trong Đảng cầm quyền và trong Nhà nước, vừa là Tổng bí thư BCHTW vừa là Chủ tịch nước.

Ba là, các mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội trung hạn (10 năm) và trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội (5 năm, hàng năm) đều khác nhau. Theo thống kê quốc tế và cả quốc gia, hiện nay Trung Quốc đã ra khỏi nhóm nước đang phát triển với mức sống thấp của thế giới; trong khi đó, Việt Nam vẫn đang phấn đấu tích cực để đến năm 2010 theo mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm (2001 - 2010) và mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2006 - 2010) sẽ ra khỏi tình trạng nước nghèo và kém phát triển của thế giới. Thách thức cơ bản của Việt Nam vẫn là sinh kế bền vững, trong khi đó, thách thức cơ bản của Trung Quốc hiện nay không còn là sinh kế bền vững mà là sự phát triển bền vững của mô hình Chủ nghĩa xã hội giàu sang đặc sắc Trung Quốc.

Bốn là, hệ thống giải pháp lành mạnh hoá xã hội, một cách tương ứng cũng có những khác biệt đáng kể giữa Việt Nam và Trung Quốc. Đối với Việt Nam, vấn đề cơ bản vẫn là vấn đề xoá đói, giảm nghèo của cả nước và đặc biệt là của giai tầng nghèo trong phân tầng xã hội; trong khi đó, đối với Trung Quốc, vấn đề số 1 là vấn đề chống làm giàu phi pháp, phi đạo đức, phi nhân tính.

Như vậy, về thực chất, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc có những quan điểm tương đồng về đối mới mô hình Chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, xây dựng mô hình Chủ nghĩa xã hội kiểu mới. Tuy nhiên, trong quan niệm về Xã hội lành mạnh xã hội chủ nghĩa và các giải pháp lành mạnh hoá xã hội của ĐCSVN và ĐCSTQ có nhiều điểm khác biệt đáng kể; điều đó phản ánh đặc thù của 2 Nhà nước và của 2 Xã hội Việt Nam và Trung Quốc. Mức độ phù hợp của sự phản ánh đó sẽ được tiếp tục kiểm nghiệm qua thực tiễn đổi mới toàn diện ở Việt Nam và cải cách toàn diện ở Trung Quốc.

3. Tổng – tích hợp hạt nhân hợp lý của các quan điểm xây dựng Xã hội lành mạnh và lành mạnh hoá xã hội

Ngày nay, tuy xu thế chung trên toàn cầu không còn sự đối lập, loại trừ lẫn nhau giữa 2 hệ quan điểm Chủ nghĩa tư bản kiểu cũ (CNTB cổ điển) và Chủ nghĩa xã hội kiểu cũ (CNXH cổ điển), nhưng đã xuất hiện sự đối trọng, đối thoại giữa 2 hệ quan điểm Chủ nghĩa xã hội kiểu mới (CNXH phi cổ điển) và Chủ nghĩa tư bản kiểu mới

(CNTB phi cổ điển).

Đã có một số mô hình lành mạnh hoá xã hội tư bản chủ nghĩa và xây dựng Xã hội lành mạnh tư bản chủ nghĩa kiểu mới không thông qua con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm thay thế Chủ nghĩa tư bản bằng Chủ nghĩa xã hội như K.Marx đã dự báo mà chỉ bằng phương thức cải lương, cải cách, cải tổ Chủ nghĩa tư bản kiểu cũ để chuyển đổi thành Chủ nghĩa tư bản kiểu mới. Giả định cơ bản của lập trường này là ở chỗ, khác với quan điểm của chủ nghĩa Mác cho rằng Chủ nghĩa tư bản với tư cách là một hình thái kinh tế – xã hội đã hết vai trò lịch sử, đã lỗi thời và hình thái kinh tế – xã hội mới sẽ thay thế nó theo quy luật tất yếu lịch sử – tự nhiên sẽ là Chủ nghĩa cộng sản mà giai đoạn thấp của nó là Chủ nghĩa xã hội khoa học, các quan điểm phi mácxít đều cho rằng Chủ nghĩa tư bản vẫn còn tiềm năng lịch sử, còn có triển vọng phát triển với điều kiện phải đổi mới, phải khắc phục những khuyết tật cấu trúc của nó bằng các giải pháp lành mạnh hoá xã hội, chứ không phải bằng cách mạng xã hội chủ nghĩa như K.Marx đã đề xướng. Các tiếp cận *Lý thuyết kinh tế thị trường xã hội* (do J.M.Keynes khởi xướng), *Lý thuyết nhà nước phúc lợi* do các Đảng xã hội dân chủ ở Tây Âu và Bắc Âu chủ trương, *Lý thuyết kinh tế thị trường tân tự do* phổ biến ở Mỹ và các nước đồng minh thực chất là đi theo khuynh hướng tư tưởng này.

Chủ nghĩa tư bản hình thành và phát triển ở Nhật Bản là một Chủ nghĩa tư bản có đặc trưng khác hẳn so với Chủ nghĩa tư bản hình thành và phát triển ở Hoa Kỳ. Trong *Lý thuyết Z* của William Ouchi (1981) ta thấy rõ sự khác biệt giữa 3 mô hình văn hoá tổ chức kinh doanh tư bản chủ nghĩa: 1/ Văn hoá tổ chức kiểu A (American = Hoa Kỳ), 2/ Văn hoá tổ chức kiểu J (Japan = Nhật Bản) và 3/ Văn hoá tổ chức kiểu Z (kiểu Nhật Bản tại Hoa Kỳ).

Mô hình văn hoá doanh nghiệp kiểu A dựa trên *Chủ nghĩa cá nhân* và *Chủ nghĩa tự do*. Trái lại, mô hình văn hoá doanh nghiệp kiểu J dựa trên *Chủ nghĩa tập thể* và *Chủ nghĩa cộng đồng*. Khi đó, thực chất của mô hình văn hoá doanh nghiệp kiểu Z chính là kết quả hỗn hợp 2 mô hình văn hoá doanh nghiệp kiểu J và kiểu A, nhưng coi trọng J hơn A. Nói khác đi, kiểu Z là kết quả tổng – tích hợp hạt nhân hợp lý của 2 hệ quan điểm: 1/ Chủ nghĩa tập thể, Chủ nghĩa cộng đồng và 2/ Chủ nghĩa cá nhân, Chủ nghĩa tự do, song coi trọng Chủ nghĩa tập thể và Chủ nghĩa cộng đồng hơn là Chủ nghĩa cá nhân và Chủ nghĩa tự do trong kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Các nước thành viên ASEAN ban đầu, bao gồm Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Philippin và Xingapo “đã lựa chọn và đi theo “*mô hình phát triển kiểu Đông Á*”. Đây là một “mô hình” phát triển đặc trưng ở vòng cung Châu Á - Thái Bình Dương với đặc điểm là các nước đi theo mô hình này tiếp nhận sự chuyển giao về vốn, công nghệ từ các trung tâm tư bản quốc tế, trước hết là Nhật Bản. Cốt lõi của “mô hình phát triển Đông Á” là hướng nền kinh tế quốc dân vào xuất khẩu, biến nền sản xuất và thị trường dân tộc trở thành một bộ phận không tách rời với nền sản xuất và thị trường thế giới. *Mô hình phát triển Đông Á là mô hình đề cao “các giá trị châu Á”, coi sự tôn trọng các giá trị tập thể như các lực lượng đem lại tính hiệu quả đằng sau sự tăng trưởng kinh tế*

của các quốc gia này. Trong mô hình này, vai trò của quản lý và kiểm soát của Nhà nước mang nặng tính tập quyền.

Chủ nghĩa tư bản cộng đồng hay *Chủ nghĩa tư bản tập thể* phổ biến ở Nhật Bản và một số nước Đông Bắc Á và Đông Nam Á tuy có sự khác biệt rõ nét so với *Chủ nghĩa tư bản xã hội* hay *Chủ nghĩa tư bản nhà nước* phổ biến ở Cộng hoà Liên bang Đức và các nước Bắc Âu, song đều là các mô hình của Chủ nghĩa tư bản kiểu mới. Đặc trưng chung nhất, nổi bật của Chủ nghĩa tư bản kiểu mới có thể được tóm tắt đó là *chủ nghĩa tư bản xã hội hoá, nhà nước hóa*.

Như vậy là thời đại mới có đặc điểm mới. Thay thế cho tình trạng đối đầu, loại trừ lẫn nhau giữa Chủ nghĩa xã hội kiểu cũ và Chủ nghĩa tư bản kiểu cũ là sự đối thoại, cạnh tranh lành mạnh giữa Chủ nghĩa tư bản kiểu mới và Chủ nghĩa xã hội kiểu mới.

4. Phương thức thấu hiểu và hoá giải tình trạng đối/hợp xã hội

Các cặp đôi "*Lành mạnh - Không lành mạnh*", "*Xã hội lành mạnh - Xã hội không lành mạnh*", "*Xã hội lành mạnh XHCN - Xã hội lành mạnh TBCN*" trong thực tế không quy giản về quan hệ đối cực theo luật bài trung của Logic hình thức, giản đơn, cứng nhắc, được diễn đạt theo công thức của phép tuyển chặt: "hoặc là X hoặc là 7X"¹, không có cái thứ ba. Bởi vì, đó là loại quan hệ phức tạp, phức hợp, vừa mâu thuẫn song lại vừa thống nhất, vừa đối cực song lại vừa đối thoại, vừa đối kháng song lại vừa không đối kháng mà chỉ cạnh tranh, thậm chí có thể hợp tác vì những mục tiêu, những lợi ích và những giá trị chung. Phương thức diễn đạt thích hợp đối với loại cặp đôi này là cặp đối/hợp logic, bao gồm 2 thao tác logic: một là *phép tuyển* logic với công thức "hoặc là X hoặc là 7X" và hai là *phép hội* logic với công thức "vừa là X vừa là 7X".

Đã có nhiều phương thức thấu hiểu và hóa giải tình trạng đối/hợp logic nói chung và đối/hợp logic xã hội nói riêng. *Phép biện chứng (Dialectics)* do G.W.F. Hegel xây dựng trong công trình "*Khoa học về Logic*" của Ông đã cho ta phương thức cổ điển của việc thấu hiểu và hóa giải tình trạng đối/hợp logic mà Ông gọi là tình trạng *song đề*: "*Chính đề hoặc/và Phản đề*". Công thức cơ bản của phương thức đó là *Tam đoạn thức biện chứng*: "*Chính đề - Phản đề - Hợp đề*". Như đã biết, K. Marx đã cải tạo Phép biện chứng duy tâm của Hegel thành Phép biện chứng duy vật và đã vận dụng thành công tam đoạn thức biện chứng "*Chính đề - Phản đề - Hợp đề*" trong công trình rất đồ sộ là *Bộ sách "Tư Bản"* của Ông. Tuy nhiên, hạn chế cơ bản của Phép biện chứng Hegel - Marx là đã *đơn giản hóa* tình trạng đối/hợp logic nói chung và đối/hợp logic xã hội nói riêng khi coi Hợp đề là giải pháp duy nhất để hóa giải mâu thuẫn đối kháng giữa Chính đề và Phản đề và ngoài ra còn *tuyệt đối hóa* chiều cạnh tiến hóa, tiến bộ của quá trình biến đổi, bỏ qua hoặc làm mờ nhạt tính đa dạng của thực tại và xu hướng gia tăng đa dạng hóa của các quá trình phát triển trong Tự nhiên, Xã hội và Tư duy. Nhằm khắc

¹ 7X là ký hiệu tượng trưng cho phép phủ định X (đọc là phi X, phản X), còn X là ký hiệu tượng trưng cho đối tượng bất kỳ.

phục hạn chế cơ bản này của Phép biện chứng Hegel - Marx, gần đây Edgar Morin² đã đưa ra *quan điểm về Tư duy phức hợp (Complex Thinking)* dựa trên 3 nguyên lý sau đây: 1- Nguyên lý đối/hợp logic (*Principe dialogique*), 2- Nguyên lý hồi quy (*Principe recursif*), 3- Nguyên lý toàn ảnh hay toàn hình (*Principe hologrammatique*). Tuy nhiên, quan điểm của Edgar Morin vẫn còn hạn chế ở chỗ Ông chưa chỉ rõ phương thức thực hiện nguyên lý toàn ảnh hay toàn hình, một nguyên lý thâm nhuần quan điểm thống nhất hóa cái đa dạng và đa dạng hóa cái thống nhất.

Quan điểm lý thuyết khinh – trọng (Tô Duy Hợp, 2007)³ sẽ khắc phục được những hạn chế nêu trên. Trước hết, ta lưu ý rằng: 1/- Không có một hợp đề duy nhất, bởi vì có thể có khung mẫu hợp đề coi trọng chính đề, song cũng có thể có khung mẫu hợp đề coi trọng phản đề, và có thể có cả khung mẫu hợp đề cân bằng khinh - trọng chính đề và phản đề; 2/- Hợp đề không phải là phương thức duy nhất để hoá giải song đề; bởi vì các khung mẫu cục đoạn, duy/vị, khinh – trọng thái quá chính đề hoặc phản đề vẫn tái tiếp diễn, trong những trường hợp như thế này thì thậm chí không có vấn đề hợp đề.

Một tam đoạn thức mới khái quát hơn đã được xây dựng, sẽ được gọi là *tam đoạn thức khinh – trọng*, nó sẽ bao hàm hạt nhân hợp lý của tam đoạn thức biện chứng Hegel – Marx như trường hợp riêng. Tam đoạn thức mới đó có dạng sau đây:

1 - Hoặc là X hoặc là 7X

2 - Vừa là X vừa là 7X

3- Vấn đề không phải thế, mà là lựa chọn hợp lý bằng nguyên tắc khinh - trọng X/7X, được phát biểu như sau: Chủ thể thì tự chủ, còn Khách thể thì tự nó có phân biệt hoặc/và không phân biệt, điều chỉnh hoặc/và không điều chỉnh, thay đổi hoặc/và không thay đổi khinh - trọng X/7X.

Hoá giải đối/hợp X/7X theo nguyên tắc khinh – trọng có nghĩa là tiến hành lựa chọn các khung mẫu khinh – trọng một cách hợp lý. Các khung mẫu khinh – trọng đó bao gồm: 1/- Các khung mẫu phân biệt khinh – trọng, trong đó có 1.1/- Các khung mẫu phân biệt khinh – trọng thái quá (được cái này mất cái kia), bao gồm: 1.1.1/- KM1 = Duy X và 1.1.2/- KM2 = Duy 7X; 1.2/- Các khung mẫu phân biệt khinh – trọng có mức độ (hơn cái này thiệt cái kia), bao gồm: 1.2.1/- KM3 = Hỗn hợp X và 7X, coi trọng X hơn 7X và KM4 = Hỗn hợp 7X và X, coi trọng 7X hơn X; 2/- Các khung mẫu không phân biệt khinh – trọng (vẹn cả đôi đường với các mức độ cao - thấp khác nhau, trong đó có KM5 = Cân bằng khinh - trọng X/7X theo nghĩa 50:50); 3/- Khung mẫu không có vấn đề phân biệt khinh - trọng. Sự điều chỉnh hoặc thay đổi có nghĩa là sự điều chỉnh hoặc thay đổi các khung mẫu khinh – trọng nêu trên. Sự điều chỉnh hoặc thay đổi các khung mẫu khinh – trọng có thể diễn ra một cách liên tục hoặc đứt đoạn, đơn tuyến

² Xem, chẳng hạn, Edgar Morin, 2006. Phương pháp 3. Tri thức về tri thức. Nhân học về tri thức. Nxb. ĐHQG Hà nội; cùng một tác giả, 2008. Phương pháp 4. Tư tưởng. Nơi cư trú, Cuộc sống, Tập tính, Tổ chức của Tư tưởng. Nxb. ĐHQG Hà nội.

³ Xem, chẳng hạn, Tô Duy Hợp, 2007. Khinh - Trọng, một quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu triết học và xã hội học. Nxb Thế giới, Hà Nội.

hoặc đa tuyến, tuyển tính hoặc phi tuyển tính là tùy thuộc vào những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Tự nhiên, Xã hội và của Tư duy.

Như vậy, nguyên tắc khinh - trọng cùng với các khung mẫu phân biệt hoặc/và không phân biệt khinh - trọng đã cho ta công thức toàn đồ biện chứng đối tượng nói chung, toàn đồ biện chứng xã hội nói riêng.

Vận dụng nguyên tắc khinh - trọng cùng với các khung mẫu phân biệt hoặc/và không phân biệt khinh - trọng trong tam đoạn thức khinh - trọng vào trường hợp cụ thể của cặp đối/hợp hay song đề CNTB hoặc/và CNXH người ta có thể tiến hành lựa chọn các khung mẫu khinh - trọng một cách hợp lý/hợp tình. Các khung mẫu khinh - trọng đó bao gồm: 1/- Các khung mẫu phân biệt khinh - trọng, trong đó có 1.1/- Các khung mẫu phân biệt khinh - trọng thái quá (được cái này mất cái kia), bao gồm: 1.1.1/- KM1 = Mô hình CNTB kiểu cũ, cổ điển và 1.1.2/- KM2 = Mô hình CNXH kiểu cũ, cổ điển; 1.2/- Các khung mẫu phân biệt khinh - trọng có mức độ (hơn cái này thiệt cái kia), bao gồm: 1.2.1/- KM3 = Mô hình CNTB kiểu mới, phi cổ điển và KM4 = Mô hình CNXH kiểu mới, phi cổ điển; 2/- Các khung mẫu không phân biệt khinh - trọng (vẹn cả đôi đường với các mức độ cao - thấp khác nhau, trong đó có KM5 = Cân bằng khinh - trọng CNTB/CNXH theo nghĩa 50:50); 3/- Khung mẫu không có vấn đề phân biệt khinh - trọng; có thể đó là tình trạng chưa xuất hiện cặp đối/hợp CNTB/CNXH hoặc có thể là do người ta bận tâm tới các đối/hợp loại khác chẳng hạn như đối/hợp Nhà nước hoặc/và Thị trường hay đối/hợp Tăng trưởng kinh tế hoặc/và Bảo vệ môi trường sống,... Sự điều chỉnh hoặc thay đổi có nghĩa là sự điều chỉnh hoặc thay đổi các khung mẫu khinh - trọng nêu trên. Sự điều chỉnh hoặc thay đổi các khung mẫu khinh - trọng TBCN/XHCN có thể diễn ra một cách liên tục hoặc gián đoạn, đơn tuyến hoặc đa tuyến, tuyển tính hoặc phi tuyển tính là tùy thuộc vào những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của mỗi Xã hội và mỗi nhân tố xã hội cụ thể./.

Tài liệu tham khảo chính

1. Anthony Giddens, 1998. *Sociology*. Third Edition, Polity Press. UK. p 566-575.
2. Brian I. Cook và Noad M.J.Pickus, 2002. *Challenging Policy Analysis to Serve the Good Society*. Trong *The Good Society - Committee on the Political Economy of the Good Society*. A PEGS journal. VOL. 11 NO. 1. 2002.
3. Dan Parrott, 2000. Defining "Healthy Society". http://www.greenpartysask.ca/GPS_Principles_Platform/Backgrounder_Articles/Health/DefiningHealthySociety.htm
4. Đảng Cộng Sản Trung Quốc, 2004. *Ban tuyên truyền Trung ương - Mười tám vấn đề điểm nóng lý luận*. Loạt sách lý luận phổ thông của ĐCS Trung Quốc. Nxb Học tập. Bắc Kinh.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001)*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2005. *Báo cáo tổng kết. Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm Đổi mới (1986-2006)*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
7. Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2006. *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
8. Giang Trạch Dân, 2002. *Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc khoá XVI ĐCS TQ*. 8/11/2002. Bản dịch của Viện nghiên cứu Trung Quốc, Hà Nội.
9. Hà Huy Thành (chủ biên), 2000. *Những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường ở Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Hồ Cẩm Đào, 2005. *Bài phát biểu của ông Hồ Cẩm Đào trước quốc hội Việt Nam*. <http://vietnamnet.vn/chinhtri/doingoai/2005/11/508257/>. 16:30' 05/11/2005 (GMT+7)
11. Hồ Chí Minh, 1963. *Bài nói tại hội nghị phổ biến nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động “nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu”*. Toàn tập, T11. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1996 trang 108-112.
12. J.K.Galbraith, 1996. *The good society: the Human Agenda*. Boston. New York.
13. Ngân hàng Thế giới, 1999. *Việt Nam đấu tranh với tham nhũng*. Hà Nội.
14. Ngân hàng Thế giới, 2001. *Trung Quốc 2020*. Nxb KHXH. Hà Nội.
15. Ngân hàng Thế giới, 2002. *Kìm chế tham nhũng - Hướng tới một mô hình xây dựng sự trong sạch quốc gia*. Hà Nội.
16. Nguyễn Đức Bình (chủ biên), 2003. *Về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
17. Nguyễn Lâm Tuấn Anh và Nguyễn Thị Minh Phương, 2006. *Một số yếu tố văn hóa – xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển làng – xã Từ tiếp cận toàn thể luận kinh - trọng*. Nxb Thế giới. Hà Nội.
18. Paul Mattick 1956. *Fromm's sane society*. Bài viết giới thiệu về công trình của

Enrich Fromm, 1955. *The sane society*. Rinechart & company. New York.
<http://www.marxists.org/archive/mattick-paul/1956/fromm.htm>

19. Thông tấn xã Việt Nam, 2002. Trung Quốc: *Bàn về thuyết ba đại diện*. Tài liệu tham khảo đặc biệt. Biên soạn: Nguyễn Văn Tập. Hà Nội.

20. Tô Duy Hợp và các cộng sự, 2000. *Báo cáo đề tài Luận cứ khoa học cho việc điều chỉnh chính sách xã hội nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam - Đề tài nhiệm vụ cấp Bộ*.

21. Tô Duy Hợp, 2006. *Cơ sở lý thuyết nghiên cứu và giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*. Tạp chí Nghiên cứu phát triển bền vững. Số 7.

22. Tô Duy Hợp, 2007. *Khinh – trọng, một quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu triết học và xã hội học*. Nxb Thế giới. Hà Nội.

23. Trung tâm KHXH&NV, Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc, 2000. *Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc về một số vấn đề xây dựng thể chế thị trường xã hội chủ nghĩa*. (Thông qua tại hội nghị Trung ương 3 khóa XIV. Đảng Cộng Sản Trung Quốc ngày 14/11/1993).

24. Trung tâm KHXH&NV, Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc, 2002. *Trung Quốc với việc chuẩn bị Đại hội Đảng Cộng Sản lần thứ XVI. Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Chuyên đề. Nhiệm vụ cấp Bộ 2002, đợt 2. Hà Nội.

25. Trương Bản, Điều Phong, Đinh Phở Thanh, Liêu Thắng Hoa, 2007. *Hài Hòa xã hội - thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc*. Tạp chí Triết học, số 6.

26. UNDP, 2004. *Báo cáo Việt Nam 2004*.

27. V.G.Phedotova, 2005. *Xã hội tốt đẹp*. Nxb Tiên bộ – truyền thống. Moskva (bản tiếng Nga).

28. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1997. *Tham nhũng - tệ nạn của mọi tệ nạn*. Viện KHXH Việt Nam, Hà Nội.